

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO
51 VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI

-----o0o-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 - 2015

Năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		192.615.293.866	220.338.170.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.094.993.012	2.923.234.127
1. Tiền	111		8.094.993.012	2.923.234.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.726.786.745	21.865.649.437
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.049.399.699	7.049.399.699
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.074.372.842)	(4.935.510.150)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.751.759.888	19.751.759.888
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.063.840.116	188.442.112.266
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		100.328.661.497	145.904.094.804
2. Trả trước cho người bán	132		2.466.951.230	5.681.287.230
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		81.826.986.629	86.415.489.472
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(49.558.759.240)	(49.558.759.240)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		8.010.918.851	6.345.413.728
1. Hàng tồn kho	141		8.019.342.551	6.353.837.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.423.700)	(8.423.700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		718.755.142	761.761.142
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		718.755.142	761.761.142
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		30.692.581.962	31.737.087.141
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214			
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.559.888.777	2.704.337.888
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.485.151.111	2.622.042.481
- Nguyên giá	222		7.398.957.907	7.398.957.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.913.806.796)	(4.776.915.426)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		74.737.666	82.295.407
- Nguyên giá	228		514.078.682	514.078.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(439.341.016)	(431.783.275)
III. Bất động sản đầu tư	230		17.265.613.198	17.496.957.504
- Nguyên giá	231		25.199.680.782	25.199.680.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.934.067.584)	(7.702.723.278)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		139.815.883	139.815.883
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		139.815.883	139.815.883
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.197.855.110	9.697.855.110
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		8.347.855.110	8.847.855.110
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		850.000.000	850.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.529.408.994	1.698.120.756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.272.033	4.746.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.528.136.961	1.693.374.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		223.307.875.828	252.075.257.841
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		108.092.903.090	137.623.976.712
I. Nợ ngắn hạn	310		107.444.137.581	136.975.211.203
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		1.406.000.000	2.396.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		62.246.397.160	66.542.430.709
3. Người mua trả tiền trước	313		6.486.038.133	6.933.556.230

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
4. Thuế & các khoản phải nộp NN	314		156.578.047	4.388.481.882
5. Phải trả công nhân viên	315		3.426.575.471	20.374.533.276
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		3.550.964.509	6.015.337.569
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH Hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		166.173.000	379.815.254
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		30.002.805.358	29.893.950.380
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.605.903	51.105.903
II. Nợ dài hạn	330		648.765.509	648.765.509
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336		648.765.509	648.765.509
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
12. Cổ phiếu ưu đãi	342			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		115.214.972.738	114.451.281.129
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	115.214.972.738	114.451.281.129
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.131.343.889	57.131.343.889
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.511.165.126)	(2.511.165.126)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.102.793.163	11.102.793.163
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.507.999.188)	(31.271.690.797)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.271.690.797)	

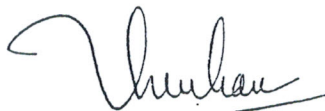
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		763.691.609	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		223.307.875.828	252.075.257.841

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đồng Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thu Nhận

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dinh Tiên Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dang đầy đủ)

Quý I năm 2015

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I - 2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34.078.471.787	7.866.411.277	34.078.471.787	7.866.411.277
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		34.078.471.787	7.866.411.277	34.078.471.787	7.866.411.277
4. Giá vốn hàng bán	11		31.246.367.614	7.070.933.664	31.246.367.614	7.070.933.664
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.832.104.173	795.477.613	2.832.104.173	795.477.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		422.297.577	492.433.806	422.297.577	492.433.806
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		173.892.128	-685.940.995	173.892.128	-685.940.995
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		0			0
8. Chi phí bán hàng	24		0		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.025.212.924	1.467.263.338	2.025.212.924	1.467.263.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)	30		1.055.296.698	506.589.076	1.055.296.698	506.589.076
11. Thu nhập khác	31		18.182.291	1.188	18.182.291	1.188

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I - 2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
12. Chi phí khác	32		9.178.589	22.513.730	9.178.589	22.513.730
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.003.702	-22.512.542	9.003.702	-22.512.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.064.300.400	484.076.534	1.064.300.400	484.076.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		235.808.791	125.947.566	235.808.791	125.947.566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		828.491.609	358.128.968	828.491.609	358.128.968
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		106	46	106	46
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				0	0

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Đồng Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Trần Thị Thu Nhận

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Tiến Vĩnh